TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 159/2017/DS-PT
Ngày 12-9-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Tiên;

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Hồng Mai;

Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hà Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*** Ông Trần Văn Sự - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/TLPT–DS ngày 19 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 04/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 156/2017/QĐ-PT ngày 28/8/2017, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959. Địa chỉ: Đường A, Khu phố B, thị trấn H, huyện H, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

* *Bị đơn:*

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1957; Địa chỉ: Đường N, Khu phố M, thị trấn H, huyện H, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

- Ông Trần Hồng C, sinh năm 1955; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố B, thị trấn H, huyện H, tỉnh Tây Ninh; Địa chỉ nơi cư trú: khu phố D, thị trấn H, huyện H, tỉnh Tây Ninh. (Tòa án không triệu tập)

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 15/3/2015 (AL) bà Đ vay của bà 200.000.000 đồng, có viết biên nhận vay tiền. Khi vay không thỏa thuận thời hạn trả, không có thế chấp tài sản, thỏa thuận mức lãi suất 3%/tháng nhưng từ ngày 15/3/2015 (AL) cho đến nay, bà Đ chưa trả cho bà khoản tiền nào. Khi vay tiền ông Trần Hồng C là chồng của bà Đ không trực tiếp vay nhưng bà có gặp ông C để nói chuyện thì ông C

đồng ý bán đất để trả nợ cho bà. Vì vậy, bà yêu cầu vợ chồng bà Đ ông C trả cho bà 200.000.000 đồng tiền gốc và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng kể từ ngày 15/3/2015 (AL).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà thừa nhận bà còn nợ bà T 200.000.000 đồng tiền gốc. Tuy nhiên 200.000.000 đồng này là tiền bà vay của bà T từ nhiều năm trước đến năm 2015 bà và bà T gút nợ thì bà còn nợ lại bà T 200.000.000 đồng. Quá trình bà vay tiền của bà T cụ thể như sau: Ngày 08/11/2010 (AL) vay 180.000.0000 đồng; Ngày 09/12/2011 (AL) vay 60.000.000 đồng; Ngày 07/12/2011 (AL) vay 50.000.000 đồng; Ngày 10/12/2011 (AL) vay 80.000.000 đồng. Tổng cộng 370.000.000 đồng. Thỏa thuận mức lãi suất 3%/tháng. Bà trả lãi cho bà T đến tháng 8/2013 (AL). Bà và bà T gút nợ, bà còn nợ bà T 200.000.000 đồng, bà T yêu cầu bà viết hai giấy nợ mới là giấy mượn tiền ngày 10/8/2013 (AL) và ngày 20/8/2013 (AL), mỗi giấy nợ ghi mượn 100.000.000 đồng, mỗi tháng bà trả tiền lãi là 6.000.000 đồng. Bà tiếp tục trả lãi cho bà T cho đến tháng 3/2015. Ngày 15/3/2015 (AL) bà T yêu cầu bà viết giấy nợ mới vay 200.000.000 đồng, thỏa thuận không tính tiền lãi. Khoản vay 200.000.000 đồng là nợ riêng của bà đối với bà T, ông C không biết việc bà vay tiền bà T. Do đó, bà sẽ tự trả nợ cho bà T. Khoản tiền bà nợ bà T bà đã trả tiền lãi nhiều năm nên bà xin bà T giảm cho bà 80.000.000 đồng tiền gốc. Bà đồng ý trả cho bà T 120.000.000 đồng và yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi mà bà đã trả cho bà T từ năm 2010 đến ngày 15/3/2015 (AL).

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 04/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Áp dụng các Điều 471, 474, 476 và Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Buộc bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi 36.050.000 đồng, tổng cộng 236.050.000 đồng.

- Về án phí DSST: Bà Đ phải chịu 11.802.500 đồng.

- Hoàn trả cho bà T 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 08/5/2017 bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo toàn bộ bản án dân sự số 17/2017/DS-ST ngày 04/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh với nội dung: Khoản vay 200.000.000 đồng là khoản vay ngày 10/8/2013 (AL) 100.000.000 đồng và ngày 20/8/2013 (AL) 100.000.000 đồng. Bà đã trả tiền lãi cho bà T từ ngày vay đến năm 2015 mỗi tháng 6.000.000 đồng. Do đó, bà kháng cáo yêu cầu xem xét tính lại tiền lãi mà bà trả cho bà T từ năm 2013 cho đến ngày bà T khởi kiện.

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa:*

Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật BLTTDS; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- *Về nội dung:* Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm số17/2017/DS-ST ngày 04/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; Kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ:

Bà Đ cho rằng ngày 10/8/2013 (AL) bà vay bà T 100.000.000 đồng và ngày 20/8/2013 (AL) bà vay 100.000.000 đồng. Bà trả tiền lãi cho bà T đầy đủ từ ngày vay cho đến ngày bà T gút nợ tháng 3 năm 2015 mỗi tháng bà trả 6.000.000 đồng. Chứng cứ là Biên nhận mượn tiền ngày 10/8/2013 (AL) nội dung *"C Đ = 100T.10.08.13AL" và "10.3.15"* và phần mặt sau của biên nhận mượn tiền ngày 20/8/2013 (AL) bà T ghi *"C Đ = 100T.20.08.13AL" và "20.3.15"*. Nhưng bà T không thừa nhận. Bà Đ cũng không chứng minh được khoản vay 100.000.000 đồng ngày 10/8/2013 (AL) và khoản vay 100.000.000 đồng ngày 20/8/2013 (AL) là khoản vay 200.000.000 đồng ngày 15/3/2015 (AL). Bà Đ cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh bà Đ đã trả cho bà T 6.000.000 đồng tiền lãi hàng tháng từ năm 2013 đến 2015. Do đó kháng cáo yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả của bà Đ không có cơ sở chấp nhận.

[2] Bà T cho rằng thỏa thuận mức lãi suất vay là 3%/tháng, nhưng bà Đ không thừa nhận, bà Đ cho rằng không thỏa thuận tính lãi, biên nhận vay tiền cũng không thể hiện nên không có cơ sở xác định có thỏa thuận tiền lãi. Ngoài ra, hai bên đều xác nhận không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Tòa án cấp sơ thẩm tính tiền lãi từ ngày vay tiền là không chính xác. Do đó sửa bản án sơ thẩm. Tiền lãi được tính lại từ ngày bà T nộp đơn khởi kiện ngày 04/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm: 0,75% x 200.000.000 đồng x 07 tháng = 10.500.000 đồng.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 04/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ các 474, 476 và Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T 200.000.000 đồng tiền gốc và 10.500.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 210.500.000 đồng (Hai trăm mười triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003101 ngày 07/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tây Ninh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004050 ngày 09/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị An Tiên

Nơi nhận:
- VKSND.TTN;
-TAND H. H;
-Chi cục THADS H. H;
-Phòng KTNV. TAT;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án.